

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH E**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HS-ST
Ngày 06-02-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH E

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phan Lê L2.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Phan Thanh L3.
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết V2.

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Hoài T4 – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh E.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh E tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Xuân D3 – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án hình sự thụ lý số: 55/2024/TLST-HS, ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn A**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 28/10/1995 tại C, E; nơi cư trú: Thôn F, xã G, huyện C, tỉnh E; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Không; con ông: Nguyễn Văn S (sinh năm 1961) và bà: Nguyễn Thị Kim A1 (sinh năm 1968); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/8/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã S1, tỉnh E xử phạt 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại bản án số 39/2018/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/01/2019, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 15/7/2024 cho đến nay (*Bị cáo bị tạm giam có mặt tại phiên tòa*).

2. Họ và tên: **Nguyễn Thế H**, tên gọi khác: **Béc**; giới tính: Nam; sinh ngày: 23/8/2005 tại C, E; nơi cư trú: Thôn J, xã K, huyện C, tỉnh E; quốc tịch: Việt Nam;

dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Không; con ông: Nguyễn Thái Thành L (sinh năm 1981) và bà: Võ Thị Kim L1 (sinh năm 1980); vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Ngày 18/9/2024, bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 24 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích tại Bản án số 41/2024/HS-ST, Bản án đã có hiệu lực pháp luật và Quyết định thi hành án.

Tiền sự: Ngày 25/4/2024, bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 6.500.000^d về hành vi Cố ý gây thương tích, đã chấp hành xong quyết định xử phạt ngày 26/4/2024, chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C trong một vụ án khác từ ngày 06/5/2024 (*Bị cáo bị tạm giam có mặt tại phiên tòa*).

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn B**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 15/7/2000 tại C, E; nơi cư trú: Thôn F, xã G, huyện C, tỉnh E; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Không; con ông: Nguyễn P (sinh năm 1953) và bà: Nguyễn Thị H (sinh năm 1966); vợ, con: Chưa có;

Tiền án:

- Ngày 19/3/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố W, thành phố E1 xử phạt 03 năm tù về tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi tại Bản án số 89/2021/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/8/2023, chưa được xóa án tích.

- Ngày 18/9/2024, bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 30 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích tại Bản án số 41/2024/HS-ST, Bản án đã có hiệu lực pháp luật và Quyết định thi hành án.

Tiền sự: Ngày 25/4/2024, bị Công an huyện C xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 6.500.000^d về hành vi Cố ý gây thương tích, chưa chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C trong một vụ án khác từ ngày 06/5/2024 (*Bị cáo bị tạm giam có mặt tại phiên tòa*).

4. Họ và tên: **Phạm Thành D**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 20/4/1994 tại W1, E; nơi cư trú: Thôn R, xã R1, huyện W1, tỉnh E; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Không; con ông: Không xác định và bà: Phạm Thị Mỹ D1 (sinh năm

1968); vợ: Lê Thị Ánh N1 (sinh năm 1996, đã ly hôn); con: Phạm Nhật A2 (sinh năm 2020);

Tiền án: Ngày 21/01/2022, bị Tòa án nhân dân huyện A3, tỉnh E xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội Cố ý gây thương tích tại Bản án số 06/2022/HS-ST, bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách của án treo.

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 18/5/2015, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh E xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 28/2015/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/8/2016, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 15/7/2024 cho đến nay (*Bị cáo bị tạm giam có mặt tại phiên tòa*).

* Người bị hại: Anh Hà Ngọc Z – Sinh năm: 1978; nơi cư trú: Thôn Z1, xã X, huyện C1, tỉnh X1 (có mặt).

* Người làm chứng:

1. Bà Phan Thị H1 – Sinh năm: 1960 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
2. Anh Trần V – Sinh năm: 1992 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
3. Chị Bùi Thị Hiền H2 – Sinh năm: 1997 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Đồng cư trú: Thôn Q2, xã G, huyện C, tỉnh E.

4. Chị Đinh Thị T3 – Sinh năm: 2008; nơi cư trú: Làng W3, xã E3, huyện R2, tỉnh T2 (có mặt).

5. Anh Nguyễn Trường N – Sinh năm: 1994; nơi cư trú: Thôn F, xã G, huyện C, tỉnh E (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 05/02/2024, Nguyễn Văn A (sinh năm 1995) cùng với Đinh Thị T3 (sinh năm 2008, bạn gái của Ý), Nguyễn Thế H (sinh năm 2005), Nguyễn Văn B (sinh năm 2000), Nguyễn Trường N (sinh năm 1994), Phạm Thành D (sinh năm 1994) và Phạm Minh R3 (bạn D, quê ở tỉnh Q4, chưa xác định được nhân thân lai lịch cụ thể) cùng ăn nhậu tại nhà Phan Xuân P1 (sinh năm 1994 ở thôn P2, xã G, huyện C). Đến khoảng 17 giờ 20 phút cùng ngày mọi người rủ nhau vào C tiếp

tục nhận; A điều khiển xe chở T3, D điều khiển xe chở R3 và N, B điều khiển xe chở H. Khi đến đoạn đường Quốc lộ 1A thuộc thôn Q2, xã G thì tay lái xe mô tô của A va quệt xảy ra va chạm giao thông với xe ô tô đầu kéo do anh Hà Ngọc Z (sinh năm 1978, ở thôn Z1, xã X, huyện C1, tỉnh X1) điều khiển chạy cùng chiều. Hậu quả: Xe của Nguyễn Văn A và Đinh Thị T3 ngã xuống đường dẫn đến T3 bị thương nhẹ ở đầu nên được N và R3 lại đỡ vào trong lề đường, xe mô tô bị hư hỏng nhẹ.

Sau va chạm, anh Z điều khiển xe ô tô đầu kéo chạy tấp vào lề đường dừng lại cách khoảng 50m nên Phạm Thành D điều khiển xe mô tô cùng với B điều khiển xe mô tô chở H chạy đuổi theo và chặn trước đầu xe ô tô; anh Z xuống xe và đang đi lại vị trí xảy ra va chạm để xem xét tình hình báo về công ty thấy Nguyễn Văn A kéo xe mô tô vào lề đường nên dùng điện thoại quay lại thì bị D dùng tay hất rơi điện thoại rồi dùng tay đánh vào sau đầu Z một cái, Nguyễn Thế H tiếp tục dùng tay đánh vào sau đầu Z một cái nữa; anh Z hoảng sợ nhặt điện thoại bỏ chạy qua phía bên kia đường, chạy vào sân trước nhà bà Phan Thị H1 (sinh năm 1960, ở thôn Q2, xã G). Ngay lập tức Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn B, Phạm Thành D cùng rượt đuổi theo vào sân nhà bà H1 còn Nguyễn Văn A chạy theo sau; Khi vào đến sân, B và D dùng tay nắm kéo anh Z ra ngoài, H dùng chân đá nhiều cái vào người Z; anh Z nắm giữ chặt hàng rào để không bị kéo ra, B dùng chân đá vào người Z một cái. Ngoài ra, An cầm mũ bảo hiểm (dạng mũ lưỡi trai màu đen, nhẹ, lớp ngoài bọc lớp da mềm) ở tay trái không thuận, quơ đánh một cái từ trên xuống trúng sượt nhẹ phần đầu anh Z nhưng không gây thương tích. Lúc này, Nguyễn Văn A chạy đến, thấy vậy A và H tiếp tục dùng chân đánh gối, đá, dậm, đạp liên tiếp nhiều cái vào mặt, lưng, bụng, hông của Z làm Z ngất xỉu. Lúc A và H đang đánh anh Z thì bà H1 cùng vợ chồng con trai là anh Trần V (sinh năm 1992) và chị Bùi Thị Hiền H2 (sinh năm 1997) ở cùng địa chỉ và một số người dân lại can ngăn, gọi báo Công an đến làm việc thì B quay lại chỉ mặt, tự nhận mình là Công an và cãi nhau với bà Hà, ngăn cản không cho ai lại can ngăn A và H đánh Z đến khi anh Z nằm ngất dưới đất, cả nhóm mới bỏ đi ra ngoài. Bà H1 đóng cổng và chốt khóa lại thì A đứng bên ngoài hàng rào dùng chân đạp vào mặt anh Z nên anh Z bỏ chạy vào trong nhà; A tiếp tục trèo cổng vào trong và rượt đánh anh Z thì bị bà H1 can ngăn, đuổi A ra ngoài. Sau đó, cả nhóm A bỏ đi, anh Hà Ngọc Z được người dân đưa đi cấp cứu và nhập viện điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh E từ ngày 05/02/2024 đến ngày 08/02/2024 xuất viện.

Ngày 03/6/2024, anh Hà Ngọc Z có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự và trưng cầu giám định thương tích. Theo Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 121/KLTTCT-PYBD ngày 21/6/2024 của Trung tâm Pháp y tỉnh E kết luận:

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần xác định:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể thương tích của Hà Ngọc Z tại thời điểm giám định:

+ Chấn thương gây đau đầu nhiều, sưng nề mắt, tụ máu khoang dưới nhện trán trái, nứt lún xương cánh mũi trên phim chụp cắt lớp vi tính sọ não đã điều trị. Hiện mất hết sưng nề, vùng đầu không dấu vết; kết quả chụp cắt lớp vi tính sọ não: Gãy lún nhẹ xương chính mũi và kết quả Điện não đồ biến đổi nhẹ: 17% (Mười bảy phần trăm).

+ Mắt phải hiện không có dấu vết: 0% (Không phần trăm).

+ Sẹo môi trên (lệch trái): 01% (Một phần trăm).

+ Vùng má-tai phải không có dấu vết: 0% (Không phần trăm)

+ Vùng hông trái không có dấu vết và di chứng: 0% (Không phần trăm).

- Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Hà Ngọc Z tại thời điểm giám định là: 18% (Mười tám phần trăm) theo nguyên tắc cộng tại Thông tư.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trích xuất, sao lưu 01 đoạn video từ điện thoại của chị H2 và 02 đoạn video từ camera tại nhà anh Trần V ghi lại diễn biến vụ án vào USB lưu hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Người bị hại anh Hà Ngọc Z kê khai yêu cầu bồi thường tổng số tiền 113.853.900^d (Một trăm mười ba triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm đồng). Bị cáo Phạm Thành D đã tác động gia đình khắc phục, bồi thường số tiền 10.000.000^d (Mười triệu đồng) cho người bị hại anh Hà Ngọc Z.

Tại bản cáo trạng số: 58/CT-VKSPC, ngày 27/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn B và Phạm Thành D về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn B và Phạm Thành D về tội “Cố ý gây thương tích” thuộc trường hợp có tính chất côn đồ, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và không có thay đổi bổ sung gì thêm.

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Nguyễn Văn A, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn B và Phạm Thành D phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Về trách nhiệm hình sự:

1. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A với mức án tù 24 tháng tù đến 30 tháng tù.

2. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Nguyễn Thế H với mức án tù 24 tháng tù đến 30 tháng tù, tổng hợp hình phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 41/2024/HS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh E, buộc bị cáo Nguyễn Thế H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

3. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B với mức án tù 30 tháng tù đến 36 tháng tù, tổng hợp hình phạt 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 41/2024/HS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh E, buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

4. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm h khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 54; khoản 5 Điều 65; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Phạm Thành D với mức án tù 18 tháng tù đến 21 tháng tù, tổng hợp hình phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 06/2022/HS-ST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện A3, tỉnh E, buộc bị cáo Phạm Thành D phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

Về xử lý vật chứng: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các quy định của pháp luật, buộc các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn B và Phạm Thành D có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại anh Hà Ngọc Z; riêng bị cáo Phạm Thành D đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả số tiền 10.000.000^d cho người bị hại anh Hà Ngọc Z, nay được khấu trừ và buộc bị cáo Phạm Thành D phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại cho người bị hại.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn B và Phạm Thành D phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tự bào chữa, các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn B và Phạm Thành D đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo

trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận, các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng các bị cáo xin lỗi người bị hại, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu bồi thường của người bị hại đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phạm Thành D.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại và người làm chứng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: Ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của các bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống, biên bản khám nghiệm, sơ đồ, bản ảnh hiện trường và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Xuất phát từ vụ việc va chạm nhẹ về giao thông tuy chưa gây ra thiệt hại lớn, tuy nhiên thay vì cùng nhau tìm hiểu nguyên nhân và thỏa thuận hướng giải quyết, mà với bản tính côn đồ hung hãn, dù có nhân thân xấu về hành vi cố ý gây thương tích, nhóm các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn B và Phạm Thành D đã chặn xe và cùng nhau rượt đuổi đánh anh Hà Ngọc Z đến trong sân nhà bà Phan Thị H1 ở thôn Q2, xã G, huyện C vào chiều ngày 05/02/2024. Mặc dù được mọi người can ngăn nhưng các bị cáo Ý, H, B đã dùng tay chân đánh, đập, đá, lên gối liên tiếp nhiều cái vào các vị trí trên cơ thể anh Z như vùng

đầu, mặt, lưng, bụng, hông, trong tư thế anh Z bị vây ép ngã vào hàng rào, gây thương tích cho anh Hà Ngọc Z với tổng tỷ lệ là 18% (Mười tám phần trăm). Bị cáo D có hành vi dùng vũ khí nguy hiểm (dạng vũ khí tra tấn, lớp ngoài bọc da mềm) quơ đánh từ trên xuống sượt qua phần đầu anh Z nhưng không gây ra thương tích nên không có cơ sở để xác định bị cáo D dùng hung khí nguy hiểm.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn B và Phạm Thành D là nguy hiểm cho xã hội, có tính chất côn đồ, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương nên cần xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật hình sự.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của các bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh E truy tố các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn B và Phạm Thành D về tội “*Cố ý gây thương tích*” thuộc trường hợp có tính chất côn đồ, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn B và Phạm Thành D phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” thuộc trường hợp có tính chất côn đồ, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó cần xét xử các bị cáo với mức án nghiêm minh, nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4]. Xét tính chất đồng phạm trong vụ án:

Các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn B, Phạm Thành D đều thực hiện hành vi phạm tội một cách bộc phát, cùng thực hiện hành vi gây thương tích cho anh Z mà không quan tâm việc đánh như thế nào, hậu quả thương tích ra sao. Do đó các bị cáo đều là người thực hành và cùng chịu trách nhiệm với nhau về hành vi của những người đồng phạm khác cùng gây ra.

[5] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thế H phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn B, bị cáo có 01 tiền án về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”, đã bị Tòa án nhân dân thành phố W, thành phố E1 xử phạt 03 năm tù tại Bản án số 89/2021/HS-ST, chấp hành xong hình

phạt tù ngày 12/8/2023, chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội mới. Bị cáo Phạm Thành D bị Tòa án nhân dân huyện A3, tỉnh E xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 06/2022/HS-ST ngày 21/01/2022, bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách của án treo. Do đó, các bị cáo Nguyễn Văn B, Phạm Thành D phạm tội thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với hành vi dùng vũ khí nguy hiểm (dạng vũ khí tra nhẹ, lớp ngoài bọc da mềm) quơ đánh từ trên xuống sượt qua phần đầu của anh Z nhưng không gây ra hậu quả thương tích được mô tả trên kết quả giám định do đó chưa đủ cơ sở để xác định bị cáo An phạm tội thuộc trường hợp dùng vũ khí nguy hiểm.

Xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã khai báo thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo Phạm Thành D đã tự nguyện tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại anh Hà Ngọc Z nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Mặt khác, bị cáo Phạm Thành D là lao động duy nhất trong gia đình, gia đình thuộc hộ khó khăn và hiện đang trực tiếp nuôi con nhỏ và tại phiên tòa, người bị hại anh Hà Ngọc Z cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo An nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn B, Phạm Thành D đều có nhân thân rất xấu, có nhiều tiền án, tiền sự. Các bị cáo đã là các thanh niên trưởng thành, đều không có nghề nghiệp và cũng không cố gắng tìm nghề nghiệp để làm việc nuôi sống bản thân, rèn luyện thành những thanh niên có ích cho xã hội mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, sau khi phạm tội không quan tâm việc bồi thường thiệt hại đủ để thấy khẳng định được các bị cáo không có ý thức ăn năn, hối cải về hành vi của mình. Do đó Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên và áp dụng các Điều 38, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quyết định mức hình phạt tù hợp lý đối với các bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nữa để cải tạo, giáo dục các bị cáo và thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

Riêng bị cáo Phạm Thành D có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo. Đồng thời buộc bị cáo Phạm Thành D phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại khoản 5 Điều 65 và khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thế H và Nguyễn Văn B đã bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 41/2024/HS-ST ngày 18/9/2024, do đó, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tổng hợp hình phạt của cả hai bản án và buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về xử lý vật chứng: Không.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại anh Hà Ngọc Z yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm với tổng số tiền 113.853.900^d (Một trăm mười ba triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm đồng). Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); các Điều 584, 589 và 590 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, Hội đồng xét xử xét yêu cầu bồi thường của người bị hại như sau:

- Đối với chi phí đi lại:

+ Tiền xe đi bệnh viện C ngày 05/02/2024 (không có hóa đơn): 300.000^d.

+ Tiền xe đi từ bệnh viện C đến bệnh viện Đa khoa tỉnh E ngày 05/02/2024 (không có hóa đơn): 500.000^d.

+ Tiền xe đi bệnh viện Quân y 87 Nha Trang, Khánh Hòa ngày 15/02/2024 (đi và về) (có giấy nhận tiền): 1.200.000^d.

+ Tiền xe taxi đi từ J1 về X1 ngày 08/02/2024 (có giấy nhận tiền): 600.000^d.

+ Chi phí thuê xe đi lại trong quá trình giám định ngày 10/6/2024 và 16/6/2024 (có giấy nhận tiền): 2.400.000^d.

+ Tiền thuê xe đi lại 02 lần trong quá trình làm việc với cơ quan Công an huyện C ngày 08/3/2024 và 26/8/2024 (có giấy nhận tiền): 2.400.000^d.

Hội đồng xét xử xét thấy việc kê khai là hợp lý, phù hợp với thực tế nên chấp nhận tổng số tiền 7.400.000^d người bị hại đã kê khai.

- Đối với chi phí cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị giảm sút:

+ Tiền khám bệnh và tiền chụp X-quang tại Trung tâm Y tế huyện C ngày 05/02/2024 (không có hóa đơn): 218.900^d.

+ Tiền thuốc mua ngoài bệnh viện ngày 07/02/2024 (không có hóa đơn): 9.000.000^d.

+ Tiền tái khám tại bệnh viện Quân y 87 ngày 15/02/2024 (không có hóa đơn): 1.150.000^d.

+ Chi phí tái khám tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh E để giám định (CT, chụp mắt, X-quang) ngày 10/6/2024 và 16/6/2024 (không có hóa đơn): 2.365.000^d.

+ Chi phí mua trang vật dụng như giường, đồ cá nhân, chi phí ngoài ngày 06/02/2024 (không có hóa đơn): 3.000.000^d.

+ Tiền cơm 03 ngày của người bệnh và 01 người chăm từ ngày 05/02/2024 đến ngày 08/02/2024 (không có hóa đơn): 120.000^d/ngày x 3 = 720.000^d.

Tuy các khoản kê khai không có chứng từ cụ thể, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy việc kê khai trong quá trình điều trị là có cơ sở, phù hợp với thực tế nên chấp nhận tổng số tiền là 16.453.900^d.

- Về chi phí bồi thường do tổn thất tinh thần (30 tháng lương cơ sở): 70.200.000^d.

Bị hại anh Hà Ngọc Z bị thương tích 18%, hiện sức khỏe tương đối ổn định do đó Hội đồng xét xử chấp nhận tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại là 20 tháng lương cơ sở: 2.340.000^d/tháng x 20 tháng = 46.800.000^d.

- Đối với yêu cầu bồi thường thu nhập thực tế bị mất, giảm sút trong thời gian điều trị của người bị hại; chi phí và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị hại trong thời gian điều trị:

+ Tiền thu nhập bị mất của người bệnh và người chăm trong 03 ngày từ ngày 05/02/2024 đến 08/02/2024 (không có hóa đơn): 300.000^d/ngày x 03 ngày x 02 người = 1.800.000^d, Tòa xét thấy chi phí này hợp lý nên chấp nhận.

+ Tiền thu nhập thực tế bị mất trong 01 tháng điều trị không đi làm của người bệnh và người chăm (không có hóa đơn): $300.000^d/\text{ngày} \times 30 \text{ ngày} \times 02 \text{ người} = 18.000.000^d$.

Đối với tiền thu nhập thực tế bị mất người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho 02 người (người bệnh và người chăm sóc) là $18.000.000^d$. Tuy nhiên thấy rằng, thương tích của người bị hại có thể tự chăm sóc bản thân, do đó Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận xác định tiền thu nhập thực tế bị mất của người bị hại là $300.000^d/\text{ngày} \times 30 \text{ ngày} = 9.000.000^d$.

Vậy, buộc các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn B và Phạm Thành D phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường cho người bị hại anh Hà Ngọc Z tổng số tiền $81.453.900^d$, làm tròn thành $81.454.000^d$, trong đó, bị cáo Phạm Thành D đã bồi thường thiệt hại trước cho anh Hà Ngọc Z số tiền $10.000.000^d$ nên còn lại $71.454.000^d$ (bảy mươi một triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Chia kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Hà Ngọc Z số tiền:

- Bị cáo Nguyễn Văn A: $20.363.500^d$ (hai mươi triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm đồng).

- Bị cáo Nguyễn Thế H: $20.363.500^d$ (hai mươi triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm đồng).

- Bị cáo Nguyễn Văn B: $20.363.500^d$ (hai mươi triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm đồng).

- Bị cáo Phạm Thành D: $20.363.500^d - 10.000.000^d = 10.363.500^d$ (mười triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm đồng).

[8]. Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các điểm a, c và g khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn B và Phạm Thành D phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn A;

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thế H;

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn B;

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm h khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 54; khoản 5 Điều 65; khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 93 Luật Thi hành án hình sự năm 2019; Căn cứ vào khoản 1 Điều 7 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao) đối với bị cáo Phạm Thành D;

Căn cứ vào các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 584, 589 và 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điểm a, c và g khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn B và Phạm Thành D phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A **24 (hai mươi bốn) tháng tù**. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam: 15/7/2024.

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế H **30 (ba mươi) tháng tù**. Tổng hợp hình phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 41/2024/HS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, buộc bị cáo

Nguyễn Thế H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là **04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn phạt tù tính từ ngày: 06/5/2024.

2.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B **36 (ba mươi sáu) tháng tù**.

Tổng hợp hình phạt 30 (ba mươi) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 41/2024/HS-ST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là **05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn phạt tù tính từ ngày: 06/5/2024.

2.4. Xử phạt bị cáo Phạm Thành D **15 (mười lăm) tháng tù**.

Tổng hợp hình phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 06/2022/HS-ST ngày 21/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện A3, tỉnh E, buộc bị cáo Phạm Thành D phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là **30 (ba mươi) tháng tù**. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam: 15/7/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

3.1. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn B và Phạm Thành D phải liên đới chịu trách nhiệm bồi thường cho người bị hại anh Hà Ngọc Z tổng số tiền 81.454.000^d, trong đó, bị cáo Phạm Thành D đã bồi thường thiệt hại trước cho anh Hà Ngọc Z số tiền 10.000.000^d nên còn lại 71.454.000^d (bảy mươi một triệu, bốn trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Chia kỷ phần mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Hà Ngọc Z số tiền:

- Bị cáo Nguyễn Văn A: 20.363.500^d (hai mươi triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm đồng).

- Bị cáo Nguyễn Thế H: 20.363.500^d (hai mươi triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm đồng).

- Bị cáo Nguyễn Văn B: 20.363.500^d (hai mươi triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm đồng).

- Bị cáo Phạm Thành D: $20.363.500^d - 10.000.000^d = 10.363.500^d$ (mười triệu, ba trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm đồng).

3.2. Về xử lý vật chứng: Không.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thế H, Nguyễn Văn B và Phạm Thành D mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn Văn A, Nguyễn Thế H và Nguyễn Văn B mỗi bị cáo phải chịu 1.018.175^d (một triệu, không trăm mười tám nghìn, một trăm bảy mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Phạm Thành D phải chịu 518.175^d (năm trăm mười tám nghìn, một trăm bảy mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện C;
- VKSND tỉnh E;
- Phòng KTNV TAND tỉnh E;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện C;
- Đội Tham mưu – Tổng hợp Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Lê L2

